TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày: 16/5/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Chinh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Krông Búk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 07/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 09/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Đức D; sinh năm: 1992, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đức T và bà Trần Thị X; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 131 ngày 01/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Hoàng Đ; sinh năm: 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Sửa chữa xe máy; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị C; có vợ là Hoàng Thị H và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 135 ngày 01/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Tấn L, sinh năm: 1989, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần P và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Thảo H và bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 134 ngày 01/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Thế L, sinh năm: 1997, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái B và bà Trần Thị M; có vợ là Lê Thị H và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 136 ngày 01/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm: 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 132 ngày 01/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Trần Văn H; sinh năm: 1976, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Trần Thủy C và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền sự: Không;

Tiền án: có 01 tiền án, Bản án số 33/2016/HSST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử bị cáo về tội *"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"*, xử phạt bị cáo 25.000.000 đồng; bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật để sung quỹ nhà nước và phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, tại biên bản xác minh ngày 27/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K thì bị cáo còn phải thi hành số tiền còn lại là 11.000.000 đồng.

Bị tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 130 ngày 01/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần P, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Chị Trần Thủy C, sinh năm 1979 – Có mặt;

4. Bà Trần Thị X, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

5. Chị Cao Thị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Y D Mlô;

Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Anh Lê Đắc L

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/02/2018, Trần Văn T, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Lê Đắc L và Y D Mlô uống cà phê tại quán Blue thuộc xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó T, L, L, L rủ nhau đến nhà nghỉ P thuộc xã C, huyện K để đánh bạc, Y D cũng đi theo. Khi đến nhà nghỉ L thuê phòng số 10 để đánh bạc, một lúc sau có Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ và Trần Văn H đến, tại đây H, L, L, D, Đ và T dùng bộ bài tú lơ khơ do Trần Tấn L mang đến để đánh bạc, hình thức đánh bài xì lát, thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt tiền từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng. Trong quá trình đánh bài H, L, L, D thay nhau cầm cái xoay vòng, Đ và T là người tham gia đánh, Y D và L không tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K kiểm tra tại nhà nghỉ P bắt quả tang H, L, L, D, Đ, T đang đánh bạc, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 6.200.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ, loại bài 52 lá, đã qua sử dụng; 01 khăn vải màu xanh lá cây, kính thước 100x50cm là vật chứng dùng vào việc đánh bạc.

Ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã thu giữ vật chứng: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 006559 (bản phô tô) do ông Trần P giao nộp; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 008988 (bản phô tô), 01 giấy mua bán xe (do anh Đỗ Xuân Q bán cho chị Trần Thủy C) do chị Trần Thủy C giao nộp; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 01490998 (bản phô tô) do anh Nguyễn Văn H giao nộp.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 12/QĐ-VKS ngày 06/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố các bị cáo Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T và Trần Văn H về tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T và Trần Văn H phạm tội *"Đánh bạc"*, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt Lê Đức D, Nguyễn Thế L, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Trần Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian đã tạm giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian đã tạm giữ.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Đức D, Nguyễn Thế L, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Trần Văn T, Trần Văn H từ 10 đến 15 triệu đồng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền mặt 6.200.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ, loại bài 52 lá đã qua sử dụng; 01 khăn vải màu xanh lá cây, kích thước 100x50cm là các công cụ các bị cáo dùng để phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 006559 (bản phô tô) cho ông Trần P; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 008988 (bản phô tô), 01 giấy mua bán xe (do anh Đỗ Xuân Q bán cho chị Trần Thủy C, bản chính) cho chị Trần Thủy C; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 01490998 (bản phô tô) cho anh Nguyễn Văn H là các chủ sở hữu hợp pháp.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với Y D và Lê Đắc L mặc dù có mặt trong phòng số 10 khi các bị cáo đánh bạc nhưng Y D, Lê Đắc L không tham giá đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chủ nhà nghỉ P là chị Cao Thị T khi các đối tượng thuê phòng để đánh bạc thì chị T không biết nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận sau khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 15 giờ 50 phút

ngày 22/02/2018 tại nhà nghỉ P thuộc thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk các bị cáo Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T và Trần Văn H đã có hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng hình thức đánh xì lát, thắng thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.200.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*Đánh bạc"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 50.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương, các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền nhanh chóng và dễ dàng nên đã cố ý phạm tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo bột phát rủ nhau đánh bạc, không có sự phân công cảnh giới, thu tiền xâu, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo khi cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng số tiền mỗi bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là khác nhau và có tổng số tiền đánh bạc không lớn nên cần phân hóa, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ và hậu quả đối với hành vi đánh bạc của từng bị cáo để có căn cứ đưa ra mức hình phạt đảm bảo tính nghiêm minh của phát luật và có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo L dùng 2.400.000 đồng; D dùng 1.500.000 đồng, H dùng 1.000.000 đồng và có 01 tiền án, các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc lớn hơn các bị cáo còn lại do vậy cần có mức phạt cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo L là người đã mua và mang theo bộ bài, sử dụng 900.000 đồng, T sử dụng số tiền ít nhất là 100.000 đồng và Đ sử dụng số tiền 300.000 đồng vào việc đánh bạc là thấp hơn các bị cáo còn lại, nên cần đưa ra mức hình phạt phù hợp và thấp hơn các bị cáo khác.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khái báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt. Riêng bị cáo Trần Văn H đã có một tiền án nhưng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy đinh tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn H có 01 tiền án, tại bản án số 33/2016/HSST ngày 30/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử về tội *"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"* bị xử phạt 25.000.000

đồng; bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng tại biên bản xác minh ngày 27/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk thì bị cáo còn phải thi hành số tiền là 11.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần có mức án cao hơn so với các bị cáo khác.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Do vậy, nhằm tăng tính răn đe, tác dụng giáo dục đối với các bị cáo thì việc áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là cần thiết nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, phạt mỗi bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu là phù hợp.

[7] Về miễn khấu trừ thu nhập: Các bị cáo L, L, T, H, D đều có nghề nghiệp là làm nông, Đ làm nghề sửa xe máy đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo D, T chưa có vợ con còn sống chung với cha, mẹ, không có tài sản riêng, bị cáo Đ, L, L, H đã có vợ, con và đang nuôi con nhỏ và thu nhập không ổn định ngoài ra đã căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Các biện pháp tư pháp:

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận:

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền mặt 6.200.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ, loại bài 52 lá đã qua sử dụng; 01 khăn vải màu xanh lá cây, kích thước 100x50cm là các công cụ các bị cáo dùng để phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 006559 (bản phô tô) cho ông Trần P; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 008988 (bản phô tô), 01 giấy mua bán xe (do anh Đỗ Xuân Q bán cho chị Trần Thủy C, bản chính) cho chị Trần Thủy C; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 01490998 (bản phô tô) cho anh Nguyễn Văn H là các chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T và Trần Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với Y D và Lê Đắc L không tham giá đánh bạc, chị Cao Thị T là chủ nhà nghỉ không biết các bị cáo thuê phòng để đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H; khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Đức D, Nguyễn Thế L, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Trần Văn T, Trần Văn H.

Tuyên bố: Các bị Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T và Trần Văn H phạm tội "*Đánh bạc*".

Xử phạt: Bị cáo Lê Đức D 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018 (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ). Lê Đức D còn phải chấp hành 01 (một) năm 02 (hai) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế L 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018 (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ). Nguyễn Thế L còn phải chấp hành 01 (một) năm 02 (hai) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018 (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ). Phạm Hoàng Đ còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tấn L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018 (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ). Trần Tấn L còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018 (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ). Trần Văn T còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 08 (tám) ngày tạm giữ từ ngày 22/02/2018 đến ngày 01/3/2018 (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ). Trần Văn H còn phải chấp hành 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 06 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lê Đức D, Nguyễn Thế L, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Trần Văn T, Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Lê Đức D, Nguyễn Thế L, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Trần Văn T, Trần Văn H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Lê Đức D, Nguyễn Thế L, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Trần Văn T, Trần Văn H mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu

đồng), các bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

- Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T, Trần Văn H.

Các biện pháp tư pháp

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự:

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền mặt 6.200.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0003289 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ, loại bài 52 lá đã qua sử dụng; 01 khăn vải màu xanh lá cây, kích thước 100x50 cm là các công cụ các bị cáo dùng để phạm tội, không còn giá trị sử dụng (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Krông Búk với Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 11/5/2018).

- Trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 006559 (bản phô tô) cho ông Trần P; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 008988 (bản phô tô), 01 giấy mua bán xe (do anh Đỗ Xuân Q bán cho chị Trần Thủy C, bản chính) cho chị Trần Thủy C; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 01490998 (bản phô tô) cho anh Nguyễn Văn H là các chủ sở hữu hợp pháp (theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 19/4/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Lê Đức D, Phạm Hoàng Đ, Trần Tấn L, Nguyễn Thế L, Trần Văn T và Trần Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;
- UBND xã Chư Kbô, huyện Krông Búk;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS-VP.